TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-5-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 967/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh JGE; nơi cư trú: Hàn Quốc.

Chị T có mặt, anh JGE vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Chị Vũ Thị T và anh JGE kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 3 năm 2016. Sau khi kết hôn anh JGE về Hàn Quốc sinh sống, còn chị T vẫn ở Việt Nam, trước khi về Hàn Quốc anh JGE có hứa hẹn bảo lãnh cho chị T sang đoàn tụ. Trong thời gian chờ anh JGE bảo lãnh cho chị T sang Hàn Quốc sinh sống thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng ngôn ngữ, chênh lệch tuổi tác, mỗi người sống một nước nên không có điều kiện để hòa giải, chia sẻ tình cảm với nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả

năng đoàn tụ nên chị T xin được ly hôn với anh JGE. Con chung và tài sản chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn và đơn đề nghị gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng (đã hợp pháp hóa lãnh sự) bị đơn anh JGE trình bày thống nhất với chị Vũ Thị T về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung và tài sản chung.

Do anh JGE ở nước ngoài đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị T có mặt giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh JGE vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh JGE hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Anh JGE vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh JGE theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, chị T và anh JGE đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do chị T và anh JGE chênh lệch tuổi tác, bất đồng ngôn ngữ, phong tục, tập quán nên không hiểu nhau, mặt khác sau khi kết hôn vợ chồng sống mỗi người một nước nên không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Vũ Thị T và anh JGE xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là chính đáng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T.

[3] Về con chung và tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh JGE trình bày không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Vũ Thị T và anh JGE được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh JGE.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0010679 ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh JGE được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Quyết **Nguyễn Kim San** **Lương Ngọc Dũng**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND H. Kiến Thụy;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng